

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS - ST

Ngày: 22 - 8 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/ TLST- TCDS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-TCDS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960;

○ Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Xóm 15, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T, bà Ng là chị Trần Thị Thủy, sinh năm 1982; Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp viên pháp lý tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 09, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt ông T, bà Ng, chị Thủy và chị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Ng trình bày: Do tin tưởng và tạo điều kiện cho nhau làm ăn nên ông bà đã cho chị Phạm Thị K vay một số tiền như sau:

- Lần một, ngày 19/5/2015 (âm lịch) vợ chồng ông bà có cho chị K vay 01 cây vàng (10 chỉ) 9999 với lãi xuất là 20.000 đồng/1cây/tháng. Khi cho vay hai bên có lập biên bản thỏa thuận với nhau hạn 06 tháng trả một lần.

- Lần hai, ngày 21/5/2015 (âm lịch) vợ chồng ông bà có cho chị K vay 04 chỉ vàng 9999. Khi cho vay hai bên có lập biên bản thỏa thuận với nhau hạn đến giữa tháng 06/2015 chị K sẽ trả cho ông bà.

- Lần ba, ngày 02/6/2015 (âm lịch) vợ chồng ông bà có cho chị K vay 4.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có lập biên bản thỏa thuận với nhau.

- Lần bốn, ngày 17/9/2015 (âm lịch) vợ chồng ông bà có cho chị K vay 02 chỉ vàng 9999. Khi cho vay hai bên có lập biên bản thỏa thuận với nhau và hạn trả trước ngày 30/10/2015 âm lịch.

- Lần năm, ngày 07/11/2015 (âm lịch) vợ chồng ông bà có cho chị K vay 11.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có lập biên bản thỏa thuận với nhau.

Tổng giá trị tài sản vợ chồng ông T, bà Ng cho chị K và 16 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng tiền gốc. Đây là số tiền gốc chưa tính lãi. Tính đến thời điểm ngày 31/10/2018 chị K còn nợ ông T, bà Ng là 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thái chị K có hứa sẽ trả ông bà vào ngày 30/12/2018 nhưng từ ngày 30/12/2018 đến nay chị K không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Nay ông T bà Ng yêu cầu chị K phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho vợ chồng ông bà là 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 9.790.000 đồng còn tiền lãi từ tháng 02/2019 về sau thì ông bà không yêu cầu.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T, bà Ng là chị Trần Thị Thủy trình bày: Việc vay nợ giữa vợ chồng ông T bà Ng và chị K là có thật. Yêu cầu chị Phạm Thị K phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho vợ chồng ông T bà Ng là 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng và tiền lãi là 9.790.000 đồng.

Lời khai của chị Phạm Thị K tại các buổi làm việc và phiên tòa thể hiện: Trong quá trình làm ăn kinh tế thì chị có vay của vợ chồng ông T bà Ng là 16 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng tiền gốc. Khi vay hai bên có lập biên bản thỏa thuận với nhau. Từ khi vay đến nay chị đã thanh toán cho vợ chồng ông T bà Ng là 13 chỉ vàng ngoài ra chị chưa thanh toán thêm cho vợ chồng ông T bà Ng thêm một khoản tiền nào. Tại buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thái chị có hạn đến tháng

12/2018 chị sẽ thanh toán hết cho ông T bà Ng nhưng do làm ăn thua lỗ nên chị chưa có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết với ông T, bà Ng. Nay ông T, bà Ng khởi kiện yêu cầu chị phải thanh số tiền nợ gốc 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng tiền và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 9.790.000 đồng còn tiền lãi từ tháng 02/2019 về sau thì ông bà không yêu cầu thì chị xác nhận chị có vay của ông T bà Ng 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 9.790.000 đồng còn tiền lãi từ tháng 02/2019 về sau thì ông bà không yêu cầu thì chị nhất trí nhưng do điều kiện chị chưa thanh toán cho ông T, bà Ng nên chị đề nghị ông T, bà Ng cho chị đến tháng 11/2019 chị sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho ông T, bà Ng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các điều 429; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử chấp nhận yêu cầu của bà ông T, bà Ng buộc chị Phạm Thị K phải thanh toán cho ông T bà Ng số tiền gốc đã vay là 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 9.790.000 đồng. Chị Phạm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Trên cơ sở mối quan hệ quen biết tin tưởng nhau nên vợ chồng ông Phạm Văn T bà Lê Thị Ng đã cho chị Phạm Thị K vay 16 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng. Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng ông T, bà Ng có hợp đồng vay tiền với chị K là sự việc có thật. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện N theo Điều 26 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng vay giữa vợ chồng ông T bà Ng và chị K là hợp đồng có thời hạn vì hai bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Đến hạn, chị K đã trả cho vợ chồng ông T bà Ng là 13 chỉ vàng 9999, còn lại 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng cùng tiền lãi chưa trả. Chị K thừa nhận hiện chị còn vay của ông T bà Ng 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng tiền gốc nhưng do kinh tế khó khăn

chưa có trả ngay mà xin đến tháng 11/2019 chị sẽ thanh toán đầy đủ cho ông T, bà Ng nhưng ông T bà Ng không nhất trí. Do đó, có đủ cơ sở buộc chị Phạm Thị K phải thanh toán trả cho vợ chồng ông T, bà Ng số tiền vay gốc 03 chỉ vàng 9999 và 15 triệu đồng là phù hợp pháp luật.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đã thống nhất được số tiền lãi tính đến tháng 02/2019 là 9.790.000 đồng còn tiền lãi từ tháng 02/2019 về sau thì ông T bà Ng bà không yêu cầu thì chị K phải thanh toán. Thấy việc thảo thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do chị Phạm Thị K buộc phải trả tiền cho ông T, bà Ng vì vậy chị K phải chịu án phí.

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T và bà Lê Thị Ng đối với chị Phạm Thị K.

2. Buộc chị Phạm Thị K phải trả cho ông Phạm Văn T, bà Lê Thị Ng số nợ gốc đã vay là 03 chỉ vàng 9999 ; 15.000.000 đồng và tiền lãi là 9.790.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T, bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án mà chị K chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị K phải nộp 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt ông T, bà Ng, chị Thủy và chị K. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Nghĩa Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ ký)**

Bùi Văn Biên